

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON BẾN THÀNH**

Số: 342/MNBT

V/v thực hiện dự kiến mức thu các khoản
năm học 2023-2024 theo Nghị quyết
04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm
2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quận 1, ngày 20 tháng 09 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân Quận 1;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1;

Công văn số 2959/UBND-VX ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai mô hình trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố, thực hiện theo lộ trình được phê duyệt;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các nội dung đã thỏa thuận và thống nhất giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS trong buổi họp ngày 19 tháng 9 năm 2023 về lấy ý kiến thống dự kiến các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của hội đồng nhân dân Thành phố (Có dự toán kèm theo) như sau:

I. THU HỌC PHÍ

Khoản thu học phí năm học 2023 – 2024 tạm thời chưa tổ chức thực hiện chờ hướng dẫn

II. THU KHÁC

A. Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế": 1.725.000 đ/tháng/học sinh:

TT	Nội dung thu	Khối Mầm + Chồi + Lá	Ghi chú
1	Tổ chức cho trẻ làm quen tiếng Anh	430.000 đồng/tháng	Tăng giá dịch vụ
2	Chương trình thể dục thể thao 10 môn phối hợp	436.000 đồng/tháng	
3	Tổ chức cho trẻ tham gia các bộ môn năng khiếu (trẻ lựa chọn học 2 môn trong các môn): 130.000 đồng/tháng/môn + Vẽ + Nhịp điệu (nữ); Võ (nam)	260.000 đồng/tháng/2 môn	
4	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống - Tổ chức hoạt động kỹ năng sống (80.000 đồng/tháng); - Hoạt động trải nghiệm (100.000 đồng/tháng)	80.000 đồng/tháng 100.000 đồng/tháng	Hoạt động trải nghiệm tăng do giá dịch vụ
5	Trang bị cơ sở vật chất cho khối trường tiên tiến hội nhập	219.000 đồng/tháng	
6	Học sinh làm quen trải nghiệm với chương trình giáo dục Stem/Steam	200.000đồng/tháng	Do tăng môn học stem theo đề án TTHN

B. Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú:

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền phục vụ bán trú, vệ sinh phí – vệ sinh bán trú	550.000 đồng/tháng	550.000 đồng/tháng	Giữ nguyên mức cũ

2	Tiền công phục vụ ăn sáng (nếu học sinh có ăn sáng)	220.000 đồng/tháng	220.000 đồng/tháng	Giảm - 60.000 đ/tháng (giảm 21% so với năm 2022-2023 vì thực hiện theo mức thu NQ04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023)
3	Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (tô, ly, khay, muỗng phục vụ bữa ăn cháu; bàn ghế, các đồ dùng nhà bếp như: nồi, chảo,... hệ thống bếp)	450.000 đồng/năm	450.000 đồng/năm	Tăng 13% so với năm học 2022-2023 (Do các mặt hàng mua sắm vật dụng bán trú tăng so năm 2022)
4	Tiền chi trả hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/03/2021 của HĐND Thành phố.	160.000 đồng/ tháng	160.000 đồng/ tháng	Tăng 2% so với năm học 2022-2023 vì đóng thêm 2% thuế TNDN

C. Các khoản thu hỗ trợ cá nhân học sinh

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền mua sắm đồ phục học sinh	200.000 đồng/bộ	200.000 đồng/bộ	Thu theo NQ04/2023/NQ-HĐND
2	Học phẩm (sổ sách học sinh, bút sáp, màu vẽ, giấy màu)	50.000 đồng/năm	50.000 đồng/năm	Thu theo NQ04/2023/NQ-HĐND
3	Học cụ - học liệu (đồ dùng đồ chơi, kệ đồ chơi ...)	350.000 đồng/năm	350.000 đồng/năm	Giữ nguyên mức cũ
4	Tiền suất ăn trưa bán trú	35.000 đồng/ ngày	35.000 đồng/ngày	Giảm - 3.000 đ/tháng (giảm 8% so với năm 2022-2023 vì thực hiện theo mức thu của NQ04/2023/NQ-HĐND)
5	Tiền ăn sáng (bé có đăng ký ăn sáng)	15.000 đồng/ ngày	15.000 đồng/ngày	Giữ nguyên mức cũ
6	Tiền nước uống	15.000	15.000	Giữ nguyên mức cũ

		đồng/tháng	đồng/tháng	
7	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)/ năm	35.000 đồng/năm	35.000 đồng/năm	Thu theo NQ04/2023/NQ- HĐND
8	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (Tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	30.000 đồng/tháng	30.000 đồng/tháng	Giữ nguyên mức cũ
9	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	20.000 đồng/tháng	20.000 đồng/tháng	Thu theo NQ04/2023/NQ- HĐND (giữ nguyên mức thu cũ)

D. Đề xuất riêng của trường:

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền công giặt nệm	40.000 đồng/tháng	40.000 đồng/tháng	
2	Tiền suất ăn xế bán trú	10.000 đồng/tháng	10.000 đồng/tháng	
3	Tiền bảo hiểm tai nạn	28.000 đồng/năm	28.000 đồng/năm	

Kính trình Lãnh đạo xem xét, chỉ đạo và tạo điều kiện để Trường mầm non Bến Thành được thực hiện các mức thu nêu trên.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Mai Hằng

**DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU CHI
NĂM HỌC 2023-2024**

(Đính kèm theo công văn số 342/MNBT ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Mầm non Bến Thành)

Căn cứ công văn số 1218/GDDĐT ngày 14 tháng 09 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc lấy ý kiến các khoản tạm thu năm học 2023-2024.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Công thức	Số dự toán	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do...)
I	SỐ HỌC SINH	$1=2+3$	320		
	+ Nhà trẻ	2	70		
	+ Mẫu giáo	3	250		
II	DỰ TOÁN THU CHI				
A	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa				
1	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè (150 hs)				Theo tuần
1.1	Tiền đề nghị	150hs	250.000	-21%	
1.2	Mức thu đề nghị/tháng	250.000	37.500.000		
1.3	Tổng dự toán chi		37.500.000		
	- Chi thanh toán cá nhân		25.500.000		
	* Chi trả công hè		25.500.000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		11.250.000		
	* Tiền điện, nước, VPP, VTVP		11.250.000		
	Chi nộp thuế		750.000		
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền Tiền hè)		750.000		
B	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo đề án				
1	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế"				Theo tháng
1.1	Tiền đề nghị	80hs	1.725.000	15%	
	Mức thu Khối Mầm đề nghị/tháng (80 học sinh * 1.725.000đ)	1.725.000	138.000.000		
	Tiền đề nghị	170hs	1.500.000	0%	
	Mức thu Khối Chồi, Lá đề nghị/tháng (170 học sinh * 1.500.000đ)	1.500.000	255.000.000		
1.3	Tổng dự toán chi		393.000.000		
	Chi cho cá nhân		44.333.000		
	- Chi trả tiền trách nhiệm quản lý, hỗ trợ giảng dạy học tập cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên		44.333.000		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		284.040.000		
	- Chi trả tiền phí giảng dạy cho các trung tâm		284.040.000		
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		56.767.000		

STT	Nội dung	Công thức	Số dự toán	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (giữ nguyên, tăng, giảm, tỷ do...)
	- Chi trả các khoản chi phí cho hoạt động của các lớp như : tiền điện, nước, vệ sinh, văn phòng phẩm, dụng cụ luyện tập, đồ dùng chuyên môn, photo tài liệu...		23.202.000		
	Chi mua sắm bổ sung trang thiết bị, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất cho các lớp thực hiện tiên tiến hội nhập theo đề án.		33.565.000		
	Chi nộp thuế		7.860.000		
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền TTHN)		7.860.000		
C	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú				
I	Tiền tổ chức phục vụ bán trú và vệ sinh bán trú (320 hs)				Theo tháng
1.1	Tiền đề nghị	320 hs	550.000	0%	giữ nguyên - 550.000 đ/tháng
1.2	Mức thu đề nghị/tháng	550.000	176.000.000		
1.3	Tổng dự toán chi		176.000.000		
	- Chi thanh toán cá nhân		124.359.120		
	* Chi lương cho Cấp dưỡng : 3 người (HĐ qua dịch vụ)		23.586.552		
	* Chi phụ cấp thêm giờ cho khối CNV: 01 người x 10giờ/người/tháng		600.000		
	* Chi lương cho 02 nhân viên BV (HĐ qua dịch vụ)		15.724.368		
	* Chi lương cho 03 nhân viên PV (HĐ Trường)		14.367.600		
	* Chi lương cho 01 nhân viên y tế (HĐ trường)		8.000.000		
	* Chi lương cho 01 nhân viên kế toán (HĐ trường)		8.000.000		
	* Chi lương cho 02 nhân viên cấp dưỡng (HĐ trường)		9.687.600		
	* Nộp BHXH, BHYT, BHTN (21,5%) cho Cấp dưỡng và NV y tế		8.611.900		
	* Nộp KPCĐ (2%) cho Cấp dưỡng và NV y tế		801.100		
	* Trả công phục vụ bán trú : 53 người x 500.000 đ/người		26.500.000		
	* Tiền PC kiêm nhiệm nhóm trưởng: 15 người x 100.000đ/người		1.500.000		

	Nội dung	Công thức	Số dự toán	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do...)
	* Tiền PC giáo viên khối lớp Lá + Thỏ ngọc: 08 người x 100.000 đ/người		800.000		
	* Tiền PC kiêm nhiệm công tác đoàn thể : 04 người x 100.000đ/người		400.000		
	* Chi quản lý phí (1% thu PVBT - Hiệu trưởng, 1% thu PVBT - kế toán, thù quỹ; 0,8% Phó Hiệu trưởng)		4.480.000		
	* Chi hỗ trợ công tác phí : 02 người		1.000.000		
	* Chi hỗ trợ cước ĐT : 01 người		300.000		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		27.640.880		
	* Hoạt động giáo dục (Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học, sách tham khảo ...)		14.100.880		
	* Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ		6.000.000		
	* Mua sắm đồ dùng vệ sinh: xà bông, khăn giấy, nước lau sàn, rửa chén, nước rửa tay....)		7.540.000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		20.480.000		
	* Tiền mua vật tư sửa điện nước		8.000.000		
	* Thanh toán tiền điện, nước, điện thoại		8.000.000		
	* Thanh toán tiền vệ sinh môi trường...		4.480.000		
	Chi nộp thuế		3.520.000		
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền PVBT và VSBT)		3.520.000		
2	Tiền công phục vụ ăn sáng (250 hs)				Theo tháng
2.1	Tiền đề nghị	250hs	220.000	-21%	Giảm - 60.000 đ/tháng (giảm 21% so với năm 2022-2023 vì thực hiện theo mức thu NQ04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023)
2.2	Mức thu đề nghị/tháng	220.000	55.000.000		
2.3	Tổng dự toán chi		55.000.000		
	- Chi thanh toán cá nhân		53.000.000		
	* Chi trả công PV ăn sáng : 53 người x 1.000.000đ/người		53.000.000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		900.000		
	* Tiền mua vật tư sửa điện nước		900.000		
	Chi nộp thuế		1.100.000		



STT	Nội dung	Công thức	Số dự toán	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (giữ nguyên, tăng, giảm, do...)
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền PVAS)		1.100.000		
3	Tiền mua sắm thiết bị vật dụng bán trú (330 hs)				Theo năm
3.1	Tiền đề nghị	320hs	400.000	0%	
3.2	Mức thu đề nghị/tháng	400.000	128.000.000		
3.3	Tổng dự toán chi		128.000.000		
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		125.440.000		
	- Mua sắm vật dụng dùng bán trú: Tô, chén, nồi nấu thức ăn, nồi chia ăn cho lớp, kệ, xe cơm, nệm, gối.....		96.000.000		
	- Mua sắm bảng biểu, tranh ảnh....		29.440.000		
	Chi nộp thuế		2.560.000		
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền TTB BT)		2.560.000		
4	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 và NQ04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 (330hs)				Theo tháng
4.1	Tiền đề nghị	320hs	160.000	0%	giữ nguyên - 160.000 đ/tháng
4.2	Mức thu đề nghị/tháng	160.000	51.200.000		
4.3	Tổng dự toán chi		51.200.000		
	- Chi thanh toán cá nhân		50.176.000		
	* Chi lương cho 9 NVND (HĐ trường)		24.008.400		(- 2.340.000) x 9 người
	* Chi lương cho 2 NVND (HĐ qua dịch vụ)		15.576.500		
	* Nộp BHXH, BHYT, BHTN (21,5%) cho NVND		9.689.700		
	* Nộp KPCĐ (2%) cho NVND		901.400		
	Chi nộp thuế		1.024.000		
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền NQ04)		1.024.000		
D	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh				
1	Tiền mua sắm đồ dùng phục học sinh				
1.1	Tiền đề nghị	320hs	200.000		Thu theo NQ04/2023/NQ-HĐND
1.2	Mức thu đề nghị/tháng	200.000	64.000.000		
1.3	Tổng dự toán chi		64.000.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		64.000.000		
	- Chi trả tiền đồng phục cho công ty		64.000.000		
2	Học phẩm				
2.1	Tiền đề nghị	320hs	30.000	0%	Thu theo NQ04/2023/NQ-HĐND
2.2	Mức thu đề nghị/tháng	30.000	9.600.000		
2.3	Tổng dự toán chi		9.600.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		9.600.000		
	- Chi tiền mua sổ bé ngoan (15.000đ/sổ)		4.800.000		
	- Chi tiền mua bút xấp, bút màu (30.000đ/hộp)		3.150.000		

	Nội dung	Công thức	Số dự toán	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do...)
	- Chi tiền mua giấy màu (5.000đ/xấp)		1.650.000		
3	Học cụ - Học Liệu				
3.1	Tiền đề nghị	320hs	320.000	0%	Theo năm
3.2	Mức thu đề nghị/tháng				giữ nguyên mức thu cũ
3.3	Tổng dự toán chi	320.000	102.400.000		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		102.400.000		
	- Chi trả tiền mua tủ, kệ góc chơi, đồ chơi cho học sinh		102.400.000		
	- Chi trả tiền mua trống con..... (62.000đ/cái)	62000	20.460.000		
	- Bộ xâu dây (108.000đ/bộ)	108000	35.640.000		
4	Tiền suất ăn trưa bán trú (ngày)				Theo ngày
4.1	Tiền đề nghị	320hs	35.000	-8%	Giảm - 3.000 đ/tháng (giảm 8% so với năm 2022-2023 vì thực hiện theo mức thu của NQ04/2023/NQ-HĐND)
4.2	Mức thu đề nghị/tháng	35.000	11.200.000		
4.3	Tổng dự toán chi		11.200.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		11.200.000		
	- Chi trả tiền suất ăn trưa cho các bé		11.200.000		
5	Tiền ăn sáng/ngày x số ngày ăn				Theo ngày
5.1	Tiền đề nghị	250hs	17.000	13%	giữ nguyên mức thu cũ
5.2	Mức thu đề nghị/tháng	17.000	4.250.000		
5.3	Tổng dự toán chi		4.250.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		4.250.000		
	- Chi trả tiền suất ăn sáng cho các bé		4.250.000		
6	Tiền nước uống				Theo tháng
6.1	Tiền đề nghị	320hs	15.000	0%	giữ nguyên mức thu cũ
6.2	Mức thu đề nghị/tháng	15.000	4.950.000		
6.3	Tổng dự toán chi		4.950.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		4.950.000		
	- Chi trả tiền nước uống cho các bé		4.950.000		
7	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)/ năm				Theo năm
7.1	Tiền đề nghị	320hs	30.000		Thu theo NQ04/2023/NQ-HĐND
7.2	Mức thu đề nghị/tháng	30.000	9.600.000		
7.3	Tổng dự toán chi		9.600.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		9.600.000		
	- Chi trả tiền khám sức khỏe cho bé		9.600.000		
8	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (Tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)				Theo tháng
8.1	Tiền đề nghị	320hs	30.000	0%	giữ nguyên mức thu cũ
8.2	Mức thu đề nghị/tháng	30.000	9.600.000		
8.3	Tổng dự toán chi		9.600.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		9.600.000		
	- Thanh toán tiền điện		5.760.000		
	- Thanh toán tiền bảo trì, vệ sinh máy lạnh		3.840.000		

STT	Nội dung	Công thức	Số dự toán	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do...)
9	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số				Theo tháng
9.1	Tiền đề nghị	320hs	20.000	0%	Thu theo NQ04/2023/NQ-HDND (giữ nguyên mức thu cũ)
9.2	Mức thu đề nghị/tháng	20.000	6.400.000		
9.3	Tổng dự toán chi		6.400.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		6.400.000		
	- Chi trả tiền số liên lạc điện tử		6.400.000		

Kính trình Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 xem xét, chỉ đạo và tạo điều kiện để Trường mầm non Bến Thành được thực hiện các mức thu nêu trên.

Người lập bảng

Nguyễn Thị Ánh Tuyết



ngày 20 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Mai Hằng